

Bản án số: 231/2023/HSST
Ngày 13/11/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐA – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông **Trần Trung Trực**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Hữu Độ**
2. Bà **Hoàng Thị An**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Thịnh Q Trung** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐA, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Oanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 13/11/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐA, Thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 227/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn T, sinh ngày 13/10/2006 (phạm tội khi 16 tuổi 06 tháng 03 ngày) tại Hà Nội; giới tính: nam; Nơi cư trú: thôn Đ, xã PM, huyện SS, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông: Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị T1; Về nhân thân: theo trích lục tiền án, tiền sự số 6009393/2023/PV06 ngày 05/9/2023 và lý lịch bị can xác định bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện ĐA – Công an thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Họ và tên: Trần Văn P, sinh ngày 31/10/2005 (phạm tội khi 17 tuổi 05 tháng 16 ngày) tại Hà Nội; giới tính: nam; Nơi thường trú: thôn Đ, xã PM, huyện SS, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Khu 3, xã PM, huyện SS, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 11/12; Con ông: Trần Văn A và bà Nguyễn Thị H; Về nhân thân: theo trích lục tiền án, tiền sự số 6009372/2023/PV06 ngày 17/7/2023 và lý lịch bị can xác định bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện ĐA – Công an thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Người bào chữa cho các bị cáo Trần Văn T và Trần Văn P: bà Dương Bích Hải – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Chi nhánh số 5, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội. Có mặt

4. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Văn T: ông Trần Văn Q, sinh năm 1986; bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1988. Điều trú tại: thôn Đ, xã PM, huyện SS, thành phố Hà Nội.

Có mặt bà T1; Vắng mặt ông Q.

5. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Văn P: ông Trần Văn A, sinh năm 1977; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976. Điều trú tại: thôn Đ, xã PM, huyện SS, thành phố Hà Nội. Có mặt ông A, bà H.

6. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

6.1. Anh Nguyễn Văn S, sinh ngày 17/01/1998. Trú tại: thôn LG, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

6.2. ông Trần Văn A, sinh năm 1977. Trú tại: thôn Đ, xã PM, huyện SS, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 35 Pt ngày 16/6/2023, Công an xã Vân Nội phối hợp với Công an xã Nguyên Khê làm nhiệm vụ tại Khố phố Nguyên Khê, xã Nguyên Khê, huyện ĐA, Hà Nội, phát hiện tại ven đường một nam giới đang ngồi trên xe mô tô và 02 nam giới đứng dưới ven đường có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra Trần Văn T và Nguyễn Văn S, còn người nam giới đang ngồi trên xe mô tô bỏ chạy thoát. Khám người theo thủ tục hành chính phát hiện trong túi xách màu đen Trần Văn T đeo trên người bên trong có: 01 túi nilông chứa thảo mộc khô nghi là ma túy; 01 điện thoại động nhãn hiệu Iphone màu đen, lắp sim số thuê bao 0862704288 và số tiền 175.000 đồng; phát hiện thu giữ của Nguyễn Văn S 01 điện thoại di động Nokia màu đen lắp sim số 0987940546.

Tổ công tác đã lập biên bản tạm giữ, niêm phong vật chứng đưa Trần Văn T và Nguyễn Văn S về trụ sở để tiếp tục điều tra làm rõ. Qua đấu tranh xác định người lái xe bỏ chạy là Trần Văn P, vào hồi 22h ngày 16/6/2023, Cơ quan Công an đã tiến hành mời P lên trụ sở để làm việc. Vật chứng thu giữ của Trần Văn P gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu trắng, số Imei: 013420005157206, lắp sim số thuê bao: 0924749080 và 01 xe máy nhãn hiệu Honda BKS: 30Y2-7485.

Quá trình điều tra làm rõ: Đầu tháng 5 năm 2023, Trần Văn T và Trần Văn P rủ nhau mua thuốc “Tobacco” có chứa chất ma túy về để bán lại cho khách kiếm lời. T tìm chỗ mua ma túy Tobacco và rao bán lên mạng xã hội Facebook để tìm khách mua, P lái xe chở T đi mua ma túy và đi bán ma túy cho khách. Trưa ngày 16/6/2023, T đang ở nhà thì có một nam giới (không quen biết) gọi điện cho T từ số 0867939636 đến số của T là 0862704288 hỏi mua của T 200.000 đồng thuốc Tobacco chứa ma túy. T đồng ý và thoả thuận khi nào có ma túy bán sẽ nhắn

tin lại và yêu cầu người này trả thêm cho T tiền công đi giao. Khoảng hơn 16 giờ cùng ngày T và P đang ngồi ở quán nước ven đường thì Nguyễn Văn S, sinh năm 1998, thường trú tại thôn LG, xã VH, huyện ĐA, Hà Nội gọi điện cho T từ số 0987940546 đến số thuê bao 0862704288 của T hỏi mua 500.000 đồng thuốc Tobacco chứa ma túy. T đồng ý bán và bảo S chưa có “hàng”, khi nào có sẽ nhắn tin lại sau và yêu cầu S trả thêm 100.000đ tiền công đi giao, tổng là 600.000 đồng S đồng ý.

Khoảng gần 17 giờ ngày 16/6/2023, T gọi điện đến số điện thoại 0962645002 của một người nam giới bán ma túy loại Tobacco mà T biết qua mạng xã hội Facebook (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) đặt vấn đề mua 500.000 đồng ma túy loại Tobacco, hai bên thoả thuận giao ma túy tại khu vực gần khách sạn Nhật Tân thuộc thôn Ngọc Chi, xã Vĩnh Ngọc, huyện ĐA, Hà Nội, T đồng ý, bảo P chờ đến điểm hẹn để mua ma túy. Đến nơi, T đưa cho người này 500.000 đồng rồi nhận 01 gói nilông bọc bên ngoài bằng băng dính màu vàng bên trong có 02 túi thuốc Tobacco. Sau khi mua được ma túy, T gọi điện cho người nam giới có số điện thoại 0867939636 hẹn điểm giao ma túy tại khu vực ngã tư 1-5 thuộc tổ 24, thị trấn ĐA, rồi bảo P lái xe chờ đến điểm hẹn bán cho người thanh niên này 01 túi Tobacco với giá 250.000 đồng (gồm 200.000 đồng ma túy và 50.000 đồng tiền công giao hàng). Giao ma túy xong, T tiếp tục gọi điện cho Nguyễn Văn S, hẹn điểm giao ma túy tại quán nước ven đường thuộc khối phố Nguyên Khê, xã Nguyên Khê, huyện ĐA, Hà Nội, P tiếp tục chờ T đi đến điểm giao thuốc Tobacco có chứa chất ma túy cho S, đến nơi chưa kịp giao thuốc Tobacco có chứa chất ma túy và nhận tiền thì bị Công an phát hiện bắt giữ, P phóng xe bỏ chạy.

Ngày 23/6/2023, Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội đã có kết luận giám định số 4101/KL-KTHS, kết luận: Thảo mộc khô bên trong 01 túi nilon có ma túy loại ADB-BUTINACA, *khối lượng 7,168 gam*.

Tại cơ quan điều tra Trần Văn T và Trần Văn P đều khai nhận đã cùng nhau đi bán Tobacco cho khách nhiều lần (khoảng 15 lần) nhưng không nhớ tên, tuổi, địa chỉ, thời gian cũng như số điện thoại của những người đã mua ma túy. T và P khai nhận ngày 16/6/2023 là lần đầu tiên bán thuốc Tobacco chứa ma túy cho Nguyễn Văn S và cũng là lần đầu tiên T, P mang ma túy loại “Tobacco” đến khu vực ngã tư 1/5 thuộc thị trấn ĐA để bán cho người khách nam giới có số điện thoại 0867939636 để kiếm lời. Trong quá trình thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy thì T là người bỏ tiền ra mua ma túy và thu tiền từ việc bán ma túy cho khách có được. Sau mỗi lần bán ma túy trót lọt thì T sẽ cho P khoảng 40.000 đồng tiền công, số lãi còn lại thì T được hưởng.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn S khai nhận phù hợp với lời khai của Trần Văn T và Trần Văn P. S khai qua mạng xã hội Facebook nên biết T bán ma túy loại Tobacco và biết số điện thoại của T vì vậy ngày 16/6/2023 đã gọi điện cho T để hỏi mua. Ngày 16/6/2023 là lần đầu tiên S liên hệ mua ma túy Tobacco của Trần Văn T mục đích sử dụng cho bản thân.

Cơ quan điều tra đã tiến hành dẫn giải T, P đi xác định vị trí T, P mua ma túy của người nam giới tại khu vực đường gom cầu Nhật Tân thuộc thôn Ngọc

Chi, Vĩnh Ngọc, ĐA, Hà Nội và vị trí T, P bán ma túy cho người khách nam giới ở khu vực ngã tư 1/5 thuộc tổ 24, thị trấn ĐA, huyện ĐA, Hà Nội. Kết quả T, P xác định trùng khớp vị trí đã thực hiện việc mua, bán ma túy ngày 16/6/2023.

Cơ quan điều tra ra Lệnh thu giữ điện tín số thuê bao di động 0962645002 và số thuê bao di động 0867939636 làm rõ người bán ma túy cho T và người mua ma túy của T tại khu vực tổ 24, thị trấn ĐA. Ngày 13/7/2023, Tập đoàn Công nghiệp viễn thông Quân đội cung cấp:

- *Chủ đăng ký thuê bao số 0962645002 mang tên Lê Quốc Bảo, sinh 2002, thường trú thôn Đồng Phố, xã Tân Dân, huyện P Xuyên, Hà Nội..*

Cơ quan điều tra xác minh làm rõ: Lê Quốc Bảo hiện đang bị Cơ quan điều tra, Công an huyện ĐA khởi tố tạm giam tại nhà tạm giữ - Công an huyện ĐA để điều tra về hành vi mua bán trái phép chất ma túy trong một vụ án khác. Tiến hành cho Trần Văn T nhận dạng người bán ma túy cho T, T xác định Lê Quốc Bảo là người đã bán ma túy cho T ngày 16/6/2023. Cho Trần Văn P nhận dạng đối với Bảo, P không nhận dạng được người bán ma túy cho T. P không biết Bảo là ai. Tiến hành cho Trần Văn T và Lê Quốc Bảo đối chất làm rõ việc mua bán ma túy ngày 16/6/2023 nhưng Bảo không khai nhận.

-*Chủ đăng ký số thuê bao 0867939636 mang tên Đặng Thị Hóa, sinh 1959, thường trú tại Tổ 55, thị trấn ĐA, huyện ĐA, Hà Nội.*

Cơ quan điều tra ghi lời khai bà Hóa cho biết: Năm 2021 bà Hóa có đăng ký và sử dụng sim số thuê bao 0867939636 nhưng sau đó bà đã làm mất điện thoại, không còn sử dụng. Hiện ai đang sử dụng số thuê bao trên thì bà Hóa không rõ.

Đối với Lê Quốc Bảo là người sử dụng số thuê bao 0962645002, ngoài lời khai của Trần Văn T ra không có tài liệu nào khác thể hiện việc Bảo đã bán ma túy cho T. Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với Bảo.

Đối với Nguyễn Văn S xác định ngày 16/6/2023 là lần đầu tiên S mua ma túy của T sử dụng. Kết quả xét nghiệm nước tiểu của S âm tính với chất ma túy, không có căn cứ để xử phạt hành chính đối với S. Cơ quan điều tra chuyển tài liệu liên quan cho chính quyền địa phương nơi S sinh sống để quản lý, giáo dục.

Đối với người sử dụng số thuê bao di động 0867939636 mua ma túy của Trần Văn T, Trần Văn P tại khu vực Tổ 24, thị trấn ĐA, Cơ quan CSĐT đã tiến hành điều tra xác minh nhưng không làm rõ được.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda BKS: 30Y2-7485 Trần Văn P sử dụng vào việc phạm tội. Làm rõ người quản lý hợp pháp là ông Trần Văn A (bố đẻ của P), việc P sử dụng xe máy vào việc phạm tội, ông A không biết. Ông A khai chiếc xe trên ông mua xe cũ tại một cửa hàng xe máy tại thị trấn SS, Hà Nội (không nhớ tên cửa hàng) làm phương tiện đi lại, có giấy tờ đăng ký chiếc xe, ông đã làm mất giấy tờ đăng ký. Xác minh chủ đăng ký chiếc xe mang tên Nguyễn Văn S, sinh 1982, trú tại: P1816 CT2B, khu đô thị Yên Pc, Pc La, quận Hà Đông, qua xác minh tại Công an phường Pc La, Hà Đông xác định ông S hiện không sinh sống

tại địa chỉ trên, hiện đang ở đâu thì Công an phường không rõ. Tra cứu chiếc xe không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng.

Cáo trạng số 216/CT-VKSĐA ngày 19/10/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐA đã Quyết định truy tố các bị cáo Trần Văn T, Trần Văn P về tội: Mua bán trái phép chất ma túy theo Điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Trần Văn T, Trần Văn P khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo khai nhận ngày 16/6/2023 đã bán ma túy 02 lần như đã nêu trên. Lần 1 thu về khoản tiền 250.000 đồng, tiêu xài hết 75.000 đồng; Lần 2 chưa thu tiền. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Khi được nói lời nói sau cùng, các bị cáo ăn năn hối cải và mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành người tốt cho xã hội.

- Người đại diện hợp pháp của các bị cáo Trần Văn T, Trần Văn P trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo vì các bị cáo còn trẻ nên nhận thức còn hạn chế để các bị cáo sớm trở về với xã hội.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn A trình bày: đối với chiếc xe máy bị thu giữ ông không có nguyện vọng được nhận lại.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐA giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 251; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật Hình sự. *Xử phạt*: bị cáo Trần Văn T từ 05 năm đến 05 năm 3 tháng tù.

Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 251; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật Hình sự. *Xử phạt*: bị cáo Trần Văn P từ 4 năm 06 tháng đến 04 năm 09 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo vì các bị cáo là người chưa thành niên.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên trong có 5,571 gam ma túy loại ADB-BUTINACA (còn lại sau giám định); 03 sim điện thoại.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và 175.000 đồng là tiền do các bị cáo phạm tội mà có; 01 xe máy nhãn hiệu Honda BKS: 30Y2-7485.

+ Truy thu số tiền 75.000 đồng của các bị cáo do phạm tội mà có.

Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo phát biểu ý kiến: Nhất trí với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐA đã truy tố đối

với các bị cáo. Bị cáo T khi phạm tội mới hơn 16 tuổi; bị cáo P phạm tội khi hơn 17 tuổi nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; Các bị cáo khi phạm tội chưa phát triển đầy đủ thể chất, tinh thần; hoàn cảnh của gia đình các bị cáo khó khăn; các bị cáo có T độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; không có tiền án, tiền sự. Nên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm s Khoản 1, Khoản 2 điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự: Xử phạt các bị cáo với mức án thấp nhất. Ngoài ra không có nội dung tranh tụng nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện ĐA thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thẩm quyền và các quy định khác về điều tra, truy tố và xét xử. Kết luận điều tra của công an ĐA, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐA và đề nghị hình phạt áp dụng với bị cáo là đúng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2] Về hành vi và tội danh của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để kết luận: Chiều tối 16/6/2023 Trần Văn T và Trần Văn P có hành vi đem bán cho một đối tượng không rõ tên, tuổi 01 túi thảo mộc có chứa ma túy loại ADB-BUTINACA tại khu vực ngã tư 1-5 thuộc tổ 24, thị trấn ĐA, huyện ĐA với giá 200.000 đồng và 50.000 đồng tiền công giao hàng. Sau đó T, P tiếp tục đem bán 01 túi nilông thảo mộc khô có chứa ma túy loại ADB-BUTINACA, khối lượng 7,168 gam cho Nguyễn Văn S tại khối phố Nguyên Khê, xã Nguyên Khê, huyện ĐA, Hà Nội, nhưng chưa kịp giao ma túy thì bị bắt giữ. Quá trình điều tra các bị cáo khai còn khoảng 15 lần khác bán ma túy, các bị cáo không rõ người mua, địa điểm bán ma túy và không chứng minh được các bị cáo có đồng phạm nào khác.

Như vậy hành vi của các bị cáo Trần Văn T, Trần Văn P đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, được quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 251 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: ... b) Phạm tội 02 lần trở lên;....

[3] Hành vi Mua bán trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội vì chẳng những đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy và chất gây nghiện khác, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, mà còn làm gia tăng các tệ nạn về ma túy và các loại tội phạm khác trên địa bàn thành phố Hà Nội nói chung, huyện ĐA nói riêng. Ma túy với một tác hại khôn lường do sức tàn phá của nó, chính vì vậy mà Nhà nước và cả cộng đồng xã hội ra sức đấu tranh nhằm bài trừ. Các bị cáo nhận thức được điều này, song do hám lợi

nên vẫn cố tình phạm tội. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tù nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, nhằm hạn chế các loại tội phạm.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải, lần đầu phạm tội; khi phạm tội các bị cáo chưa đủ 18 tuổi; các bị cáo đã tự thú về hành vi mua bán trái phép chất ma túy lần thứ nhất do vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điểm r, s Khoản 1 Điều 51; Điều 91; 101 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Đối với bị cáo P có ông nội được tặng Huân chương kháng chiến nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

[4] Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự; căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Bị cáo T là người đi mua ma túy về để bán, bị cáo P có vai trò giúp sức cho bị cáo T, chở bị cáo T đi bán ma túy. Do vậy bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo P, với mức hình phạt thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát là thỏa đáng.

Các bị cáo là người chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ:

+ 01 phong bì niêm phong bên trong 5,571 gam ma túy loại ADB-BUTINACA (còn lại sau giám định là vật chứng vụ án; 03 sim điện thoại là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; 01 điện thoại di động nhãn hiệu là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và số tiền 175.000 đồng là tiền các bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước

+ Khi phạm tội các bị cáo đã thu được 250.000 đồng là tiền bán ma túy mà có, quá trình điều tra mới thu giữ được 175.000 đồng. Vì vậy cần buộc những người đại diện hợp pháp của bị cáo T và bị cáo P phải liên đới nộp lại số tiền 75.000 đồng là tiền do phạm tội mà có để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda BKS: 30Y2-7485 là tài sản của ông Trần Văn A, ông A khi mua xe không có giấy tờ mua bán, không có giấy tờ đăng ký xe. Do đó, không có căn cứ xác định chiếc xe máy nhãn hiệu Honda BKS: 30Y2-7485 là tài sản riêng của ông A. Vì vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với chiếc xe máy này, nếu có tranh chấp về dân sự sẽ được giải quyết theo thủ tục Tố tụng dân sự khi có đủ khiếu kiện và có đơn yêu cầu.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, những người đại diện hợp

pháp cho các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Trần Văn P phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

- Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 251, Điểm r, s Khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn T 04** (bốn) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày **17/6/2023**.

- Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 251, Điểm r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn P 04** (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày **17/6/2023**.

2. Về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Tịch thu sung vào ngân sách tài sản đã thu giữ của các bị cáo bao gồm: 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; 01 điện thoại di động nhãn hiệu; số tiền 175.000 đồng; 01 xe máy nhãn hiệu Honda BKS: 30Y2-7485.

Buộc những người đại diện hợp pháp cho các bị cáo Trần Văn T (là ông Q, bà T1) và Trần Văn P (là ông A, bà H) phải liên đới nộp lại số tiền 75.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên trong 5,571 gam ma túy loại ADB-BUTINACA (còn lại sau giám định là vật chứng vụ án; 03 sim điện thoại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo Trần Văn T, Trần Văn Thú mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người

đại diện hợp pháp cho các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội; VKSNDTPHN;
- VKSND huyện ĐA;
- Công an huyện ĐA;
- Chi cục THADS huyện ĐA;
- Sở TP Thành phố Hà Nội;
- UBND xã PM;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

Trần Trung Trực

HỘI THẨM NHÂN DÂN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**